

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703000092 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 4 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số 66/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 04/02/2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

- Trụ sở: Số 18 Đường Phong Định Cảng, P. Bến Thủy, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: (84-38) 385.5524 Fax: (84-38) 385.6007

2. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Hà Nội

- Trụ sở: Số 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3944.5175 Fax: (84.4) 3944.5178

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Ông Nguyễn Xuân Hải**

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Địa chỉ: Số 18 Đường Phong Định Cảng, P. Bến Thủy, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 355.5245 Fax: (84-38) 385.6007

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703000092 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 4 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: : Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết : 1.898.364 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết : 18.983.640.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

✚ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

- Địa chỉ: Số 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3827.2295 Fax: (84.8) 3827.2300

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

✚ Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3914.4134 Fax: (84.8) 3914.4371

Website: www.dag.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3944.5175 Fax: (84.4) 3944.5178

Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ: Số 110C Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 3853.9623 Fax: (84.8) 3853.9624

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Rủi ro đặc thù	5
4. Rủi ro tài chính.....	5
5. Rủi ro tỷ giá.....	6
6. Rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	10
3.1. Đại hội đồng cổ đông.....	10
3.2. Hội đồng quản trị	11
3.3. Ban kiểm soát	11
3.4. Ban Giám đốc.....	11
3.5. Các phòng ban chức năng.....	11
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông và tỉ lệ nắm giữ.....	12
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.....	12
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	13
4.3. Cơ cấu cổ đông và tỉ lệ nắm giữ	13
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết.....	14
6. Hoạt động kinh doanh	15
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	27
7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh	27
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	28
8. Chiến lược phát triển của Công ty.....	28
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	29
9.1. Vị thế của công ty trong ngành	29
9.2. Triển vọng phát triển của ngành	29
10. Chính sách đối với người lao động	30
11. Chính sách cổ tức	32
12. Tình hình hoạt động tài chính	32
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	32
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	35
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	36
14. Tài sản	44
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	45
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	46

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	46
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	46
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	46
1. Loại chứng khoán.....	46
2. Mệnh giá.....	46
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	46
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	47
5. Phương pháp tính giá.....	48
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	48
7. Các loại thuế có liên quan	49
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	49
1. Tổ chức tư vấn:.....	49
2. Tổ chức kiểm toán:.....	49
VII. PHỤ LỤC	50
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	50
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết.....	50
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 ...	50

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Với tiềm năng phát triển rất hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường nhựa dẫn đến việc cạnh tranh ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, với việc Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), trong thời gian tới các doanh nghiệp nhựa Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài đến từ Trung Quốc, Thái Lan.

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2008 diễn biến phức tạp với lạm phát, lãi suất tăng cao, giá nguyên vật liệu, giá xăng dầu biến động liên tục, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công nghiệp không cao nên các sản phẩm bao bì của Công ty phục vụ cho nhu cầu của ngành xây dựng, công nghiệp cũng bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, Công ty cần phải xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý nhằm đảm bảo ổn định và phát triển bền vững.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Luật và các văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì nên nguyên liệu nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn. Vì vậy, các yếu tố như nguồn nguyên vật liệu, tỷ giá, sự ổn định của nền kinh tế các nước xuất khẩu nguyên liệu có tác động đáng kể đến hoạt động của ngành sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì nói chung và của Công ty nói riêng nên VBC có chính sách mua nguyên vật liệu dự trữ hợp lý nhằm đảm bảo giá thành sản xuất.

4. Rủi ro tài chính

Công ty có thể chịu rủi ro về việc bị chiếm dụng vốn do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, thị trường cạnh tranh gay gắt, cung sản phẩm lớn hơn cầu nên để chiếm lĩnh thị phần VBC đã sử dụng chính sách dư nợ khách hàng. Điều đó khiến cho tỷ trọng nợ ngắn hạn của Công ty khá cao để có thể tài trợ vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Để hạn chế rủi ro, VBC đang dần xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm trong đó có những tiêu chí ràng buộc đối với khách hàng như thực hiện thanh toán từng phần để tránh dồn thanh toán vào một thời điểm trong năm, nên đây cũng là một tác động tích cực nhằm hạn chế sự gối nợ của khách hàng và hạn chế rủi ro về khả năng thanh toán của Công ty.

5. Rủi ro tỷ giá

Với lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì; nguyên vật liệu được nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn, nên rủi ro về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu, chi phí cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VBC.

6. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, cháy nổ. Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

Ông Phan Trí Nghĩa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Xuân Hải	Chức vụ: Giám đốc
Ông Cao Xuân Vinh	Chức vụ: Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Thái	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Huy Tân	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Hà Nội

Ông Bùi Việt	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

❖ Công ty – VBC/ Tổ chức niêm yết:	Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh
❖ Tổ chức tư vấn	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
❖ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
❖ HĐQT	Hội đồng quản trị
❖ CTCP	Công ty cổ phần
❖ TSCĐ	Tài sản cố định
❖ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
❖ Điều lệ	Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

❖ SGDK	Sở Giao dịch Chứng khoán
❖ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
❖ BCTC	Báo cáo tài chính
❖ PE	Polyethylene
❖ PP	Polypropylene
❖ SXKD	Sản xuất kinh doanh
❖ KPK	Bao xi măng 3 lớp
❖ KP	Bao xi măng 2 lớp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4, được thành lập theo quyết định số 1531/QĐ/QP ngày 31 tháng 8 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Sau một thời gian xây dựng và ổn định bộ máy, đầu năm 1997 đơn vị chính thức đi vào hoạt động.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, ngày 10/10/2002 Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án thí điểm chuyển Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế thành Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 03/01/2003.

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**
- Tên tiếng Anh : **VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VBC**
- Địa chỉ : Số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : (84) 038. 385.5524
- Fax : (84) 038. 385.6007
- E-mai: : nhuabaobivinh@gmail.com
- Mã số thuế : 2900531222
- Tài khoản : 0101000000596 tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Vinh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì;
 - ✓ Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì...);
 - ✓ Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.
- Vốn điều lệ hiện tại: 18.983.640.000 đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 2703000092 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Nghệ An cấp cấp đăng ký lần đầu ngày 03/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 14/4/2008.
- **Quá trình tăng vốn điều lệ**

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

ĐVT : đồng

Thời điểm	Vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng
Khi thành lập (Giấy CNĐKKD: số 2703000092 cấp đăng ký lần đầu ngày 03/01/2003)			14.000.000.000
Lần thứ nhất (Giấy CNĐKKD cấp ngày 11/10/2006)	1.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ	15.000.000.000
Lần thứ hai (Giấy CNĐKKD cấp ngày 14/4/2008)	3.983.640.000	Phát hành cổ phiếu thưởng	18.983.640.000

Tăng vốn Lần 1: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh được tổ chức vào ngày 12/01/2004 trong đó thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) (tổng cộng vốn điều lệ sau khi tăng vốn sẽ là 15.000.000.000 đồng) và bán cổ phiếu mới này theo phương thức: 80% (bằng 800.000.000 đồng) bán cho Công ty Hợp tác kinh tế Quân khu 4; 20% (bằng 200.000.000 đồng) còn lại bán cho cổ đông là cán bộ công nhân của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh theo tỷ lệ tương đương số cổ phiếu đang nắm giữ.

Tăng vốn Lần 2: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh được tổ chức vào ngày 18/01/2008 về việc thông qua hợp lệ việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành là 398.500 cổ phiếu tương ứng 3.985.000.000 đồng, nguồn phát hành từ Quỹ đầu tư và phát triển. Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh đã gửi Công văn số 10/HĐQT ngày 20/01/2008 và Công văn số

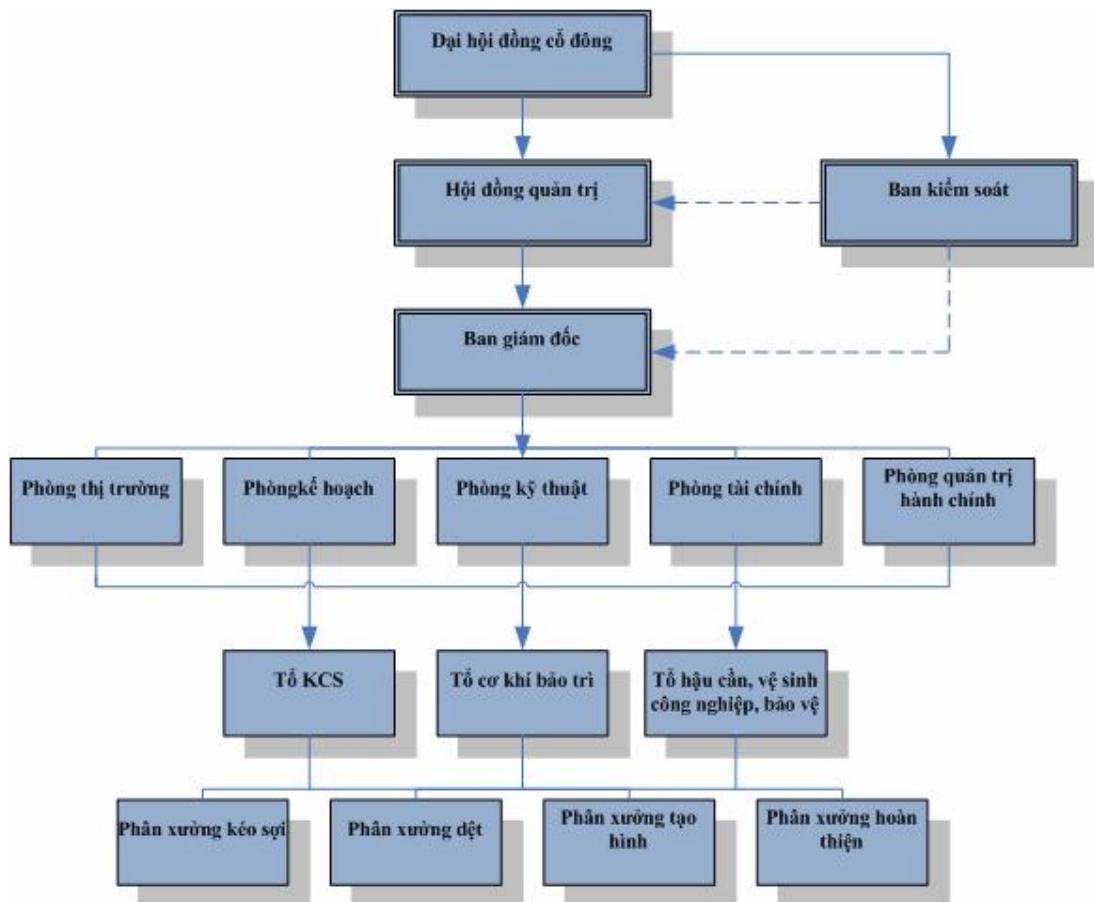
38/HĐQT ngày 28/01/2008 báo cáo UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và đã được sự đồng ý của UBCKNN tại Công văn số 475/UBCK-QLPH ngày 26/3/2008 về việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau đợt phát hành cổ phiếu thưởng, vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 3.983.640.000 đồng, trong đó cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phân phối là 136 cổ phiếu bị hủy bỏ theo Nghị quyết số 08/BBHĐQT ngày 20/3/2008 của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Hiện tại, văn phòng, nhà xưởng sản xuất và kho bãi đều đặt tại trụ sở của Công ty theo Giấy phép đăng ký kinh doanh. Công ty chưa thành lập các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con cũng như Công ty liên doanh.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm;

bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ lựa chọn. Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hằng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm.

3.5. Các phòng ban chức năng

- Phòng thị trường: có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác thị trường, xây dựng chiến lược thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thị trường dài hạn, ngắn hạn, khai thác tìm kiếm, mở rộng thị trường, thực hiện công tác dịch vụ sau bán hàng.
- Phòng kế hoạch: có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch, và đầu tư, công tác quản lý, đảm bảo công nghệ kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và đổi mới, cải tiến ứng dụng công nghệ mới. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, quý, tháng, đột xuất và các dự án đầu tư phát triển của Công ty, là trung tâm điều hành và phối hợp giữa các phòng ban phân xưởng thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Đảm bảo cung ứng vật tư nguyên nhiên liệu, tổng hợp phân tích đánh giá, báo cáo kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm.

- Phòng kỹ thuật: có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc về công tác kỹ thuật thiết bị, kỹ thuật điện, công tác xây dựng cơ bản trong toàn Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa thiết bị định kỳ và đột xuất trong toàn Công ty.
- Phòng tài chính: có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.
- Phòng quản trị hành chính: có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác Đảng công tác chính trị, công tác xây dựng bộ máy quản lý sản xuất, quản lý lao động tiền lương, công tác văn phòng, hành chính, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và công tác pháp chế trong Công ty.
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng là bộ phận triển khai và tổ chức thực hiện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm của Công ty giao. Bộ máy quản lý phân xưởng là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, các phòng ban trong công tác điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong Phân xưởng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông và tỉ lệ nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn tại thời điểm 15/10/2009

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	Công ty Hợp tác kinh tế - Quận 4	Số 187, đường Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	2706000028	967.578	51%
1	Đại diện: Phan Trí Nghĩa	Số 4, Đường Ngô Gia Tự, TP Vinh, Nghệ An	12009305	380.000	20%
2	Nguyễn Xuân Hải	Khối 13, Phường Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	183119074	380.000	20%
3	Cao Xuân Vinh	Xã Hưng Lộc, TP Vinh, Nghệ An	14A951041355	207.578	11%
	Tổng cộng			967.578	51%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 thay đổi lần thứ 02 ngày 14/4/2008

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Hợp tác kinh tế - Quận khu 4	Số 187, đường Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	969.500	51%
2	Nguyễn Xuân Hải	Phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	30.274	1,5%
3	Phạm Thị Nguyệt	Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	13.302	0,7%
4	Các cổ đông khác		885.288	46,8%
	Tổng cộng		1.898.364	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

Tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp quy định, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Như vậy, theo Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh chính thức đi vào hoạt động vào ngày 03 tháng 01 năm 2003 nên đến hết ngày 03 tháng 01 năm 2006 các hạn chế chuyển nhượng đối với các cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

4.3. Cơ cấu cổ đông và tỉ lệ nắm giữ

Bảng 4: Phân loại cơ cấu cổ đông theo tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tại thời điểm ngày 15/10/2009

TT	Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%) trên VDL	Số lượng cổ đông
	Tổng số cổ phần	1.898.364	18.983.640.000	100%	262
I	Cổ đông trong nước	1.898.364	18.983.640.000	100%	262

TT	Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%) trên VDL	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông cá nhân	930.786	9.307.860.000	49%	261
2	Cổ đông tổ chức	967.578	9.675.780.000	51%	1
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

- Danh sách công ty mẹ:

Công ty hợp tác kinh tế - Quân khu 4 nắm giữ 967.578 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty. Công ty hợp tác kinh tế - Quân khu 4 là một Doanh nghiệp Nhà nước có trụ sở tại số 187, đường Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.



Công ty Hợp tác kinh tế được thành lập năm 1985. Năm 2004 chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 70/2004/QĐ-TTg ngày 28/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 90/2004/QĐ-BQP ngày 19/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Qua hơn hai mươi năm hoạt động Công ty Hợp tác kinh tế đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng sự lớn mạnh của công ty, làm kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng và được Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Quân khu 4 tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 2706000028 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/5/2007 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty Hợp tác kinh tế có ngành nghề kinh doanh như sau: Xây dựng các công trình: công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường

dây và trạm biến áp); Khảo sát, dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ; Khảo sát, thiết kế công trình và tư vấn xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất, kinh doanh xi măng, gạch ngói, vật liệu xây dựng; Trồng và bảo vệ rừng, khai thác, chế biến lâm sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, dịch vụ khách sạn và các dịch vụ du lịch khác; Đào tạo nghề và đưa người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; Mua, bán máy móc trang thiết bị, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, khoáng sản, nông lâm thủy sản, gỗ và các sản phẩm chế biến từ gỗ; Mua bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Vốn điều lệ là: 105.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh năm tỷ đồng*)

- Danh sách công ty con: Không có.

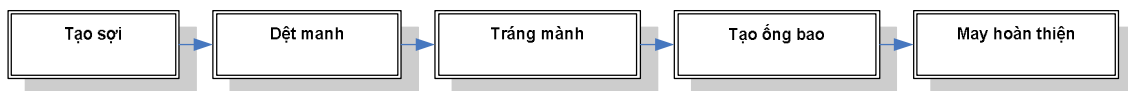
6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các sản phẩm của công ty

Các sản phẩm của Công ty được sản xuất trên dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến và đồng bộ chủ yếu do Đức Áo, Ấn độ, Đài Loan sản xuất gồm: 03 dây chuyền máy kéo sợi; 03 dây chuyền phức hợp; 02 dây chuyền dựng bao; 60 máy dệt vải PP; 04 dây chuyền máy may công nghiệp.

Toàn bộ quy trình sản xuất được tiến hành qua 5 công đoạn: Kéo sợi, Dệt, Phức, Dựng bao, May và được kiểm soát nghiêm ngặt.

Quy trình sản xuất cụ thể tại Công ty được thể hiện qua lưu đồ sau:



Quy trình sản xuất vỏ bao xi măng trải qua 5 cung đoạn:

1. Cung đoạn Tạo sợi: Từ nguyên liệu chính là hạt nhựa PP nguyên sinh, qua hệ thống thiết bị kéo thành sợi, sẽ được đun nóng chảy và kéo thành các cuộn sợi, nhập kho bán thành phẩm và xuất sang dệt ở cung đoạn tiếp theo.
2. Cung đoạn Dệt manh: Sợi được chuyển sang máy dệt để dệt thành từng cuộn vải (manh dệt) kích thước khác nhau tùy thuộc yêu cầu của từng loại sản phẩm. Manh dệt hoàn thành nhập kho bán thành phẩm để chuẩn bị xuất sang sản xuất ở cung đoạn sau.
3. Cung đoạn tráng manh: Từ nguyên liệu đầu vào là manh dệt, giấy Kraft, hạt tráng PP dùng máy tráng ép nóng chảy ở nhiệt độ cao cán ép nóng giấy dính vào manh dệt tạo thành manh tráng KP phức hợp hoặc manh tráng PP, cuộn lại thành những cuộn lớn nhập kho bán thành phẩm để chuyển sang sản xuất ở cung đoạn tiếp theo.
4. Cung đoạn Tạo ống bao: Từ manh tráng ép KP phức hợp thêm 1 lớp giấy lót trong và hạt dán mép bao qua thiết bị máy tạo ống in ấn theo mẫu mã quy định của đơn hàng tạo thành ống bao xi măng nhập kho bán thành phẩm chuẩn bị cho cung đoạn sản xuất tiếp theo.

5. Cung đoạn May hoàn thiện: Từ bán thành phẩm ống bao qua thiết bị may bao tạo thành các vỏ bao may hoàn chỉnh kết thúc quy trình sản xuất vỏ bao xi măng, nhập kho chờ đi xuất bán.

✚ Nếu sản xuất các loại bao nông sản, lương thực, thực phẩm thì quy trình sản xuất ngắn hơn và không qua cung đoạn tráng ép.

Công ty đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008 được tổ chức chứng nhận Quacert cấp chứng nhận từ năm 2002. Do áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện chặt chẽ ở tất cả các công đoạn sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Với ưu thế của hệ thống máy móc mới được đầu tư, thuộc thế hệ tiên tiến và có suất đầu tư thấp, Công ty không những đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng về chất lượng, số lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm được tối đa chi phí sản xuất trực tiếp và gián tiếp, đem lại kết quả kinh doanh cao trong nhiều năm qua.

Trong mọi hoạt động của mình, Công ty luôn luôn lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ đặt lên hàng đầu. Với phương châm: “*Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo*”, các sản phẩm của Công ty luôn luôn có được chất lượng cao và ổn định với giá bán hợp lý, nhanh chóng giành được niềm tin của khách hàng, đã và đang có chỗ đứng vững chắc trên thị trường và chiếm lĩnh thị phần trong nước.

✚ Sản phẩm của Công ty được chia làm các nhóm sản phẩm chính:

- Nhóm sản phẩm các loại bao bì đựng xi măng, kết cấu gồm 1 lớp nhựa 2 lớp giấy kraft hoặc 1 lớp nhựa 1 lớp giấy kraft.
- Nhóm các sản phẩm các loại bao bì PP, PE dùng đựng nông sản, phân bón, bột đá.
- Nhóm các sản phẩm các loại bao bì PP, PE dùng đựng lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc.
- Nhóm Bán thành phẩm sử dụng trong ngành bao bì PP, bao bì xi măng: Vải dệt PP, Vải tráng PP, vải tráng PK.
- Nhóm dịch vụ thương mại Hạt nhựa, giấy kraft

✚ Một số hình ảnh về các sản phẩm của Công ty:

TẬP ĐOÀN XI MĂNG VISSAI

TẬP ĐOÀN XI MĂNG VISSAI
(VINAKANSAI)
PCB 30
TCVN 6260-1997



THE VISSAI

XI MĂNG POÓC LĂNG HỒN HỢP



ISO 9001 : 2000
CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN
SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

KLT: 50 KG
SỐ LÔ: VK - 09 - 001
SX: 01 - 2009

CHẤT LƯỢNG SỐ 1 VIỆT NAM



THE VISSAI CEMENT GROUP

ĐỊA CHỈ: KHU CN GIÁN KHẤU - NINH BÌNH
ĐIỆN THOẠI: 030. 3650166 FAX: 030. 3650177

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

TỶ LỆ CẤP PHỐI:

MÁC	VẬT LIỆU SỬ DỤNG			
	XI MĂNG PCB30	CÁT VÀNG	ĐÁ DÂM 1x2	NƯỚC SẠCH
VỮA 50	50 kg	263 lít	-	61 lít
VỮA 75	50 kg	184 lít	-	44 lít
BÊ TÔNG 200	50 kg	68 lít	124 lít	27 lít
BÊ TÔNG 250	50 kg	54 lít	104 lít	23 lít

ご使用法
たんすいはつかい、塩水の砂は使わないでください。
石と砂は清潔に洗ってください。
そうもつをもれないようにご注意ください。
セメントはかんしょうのところに置き、
接地しないようにしてください。

ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:


- SỬ DỤNG NƯỚC NGỌT, KHÔNG DÙNG CÁT NƯỚC MẶN.
- ĐÁ VÀ CÁT PHẢI RỬA SẠCH, KHÔNG LẤN TẠP CHẤT.
- XI MĂNG ĐỂ NƠI KHÔ RÁO, KHÔNG ĐỂ TRỰC TIẾP XUỐNG NỀN ĐẤT.

THE VISSAI - JAPAN TECHNOLOGY

XI MĂNG VICEN HOÀNG MAI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
XI MĂNG POÓCLĂNG HỒN HỢP

PCB40
TCVN 6260 : 1997



ISO 9001:2000

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
1. HẠNG NHÃN SỬ DỤNG KHÔ RÁO, CÁCH MẾT BẾT, CÁCH TƯỜNG HỒN HỢP
2. TỶ LỆ CẤP PHỐI VẬT LIỆU CHO TỶ HẾT TƯỜNG, VỮA SẠCH.


VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	BÊ TÔNG MÁC 250	VỮA XÂY MÁC 100
XI MĂNG	kg	160	160
CÁT VÀNG	LÍT	130	970
ĐÁ DÂM CỖ 1x2	LÍT	250	
NƯỚC NGỌT	LÍT	56	56

SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CP XI MĂNG HOÀNG MAI
HOÀNG MAI - QUỲNH LƯU - NGHỆ AN
NSX: 04/12/02 09B24568

XI MĂNG VICEN HOÀNG MAI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
XI MĂNG POÓCLĂNG HỒN HỢP

PCB40
TCVN 6260 : 1997



KHỐI LƯỢNG TÍNH : 50 ± 0.5 kg

 N.P.K.S 8-10-3 	<p>CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN PHÚ SINH</p>  <p>PHÂN BÓN TỔNG HỢP N.P.K.S 8 - 10 - 3</p> <p>SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY PHÂN BÓN PHÚ SINH ĐỊA CHỈ: CẦU GIÁT - QUỲNH LƯU - NGHỆ AN ĐT: 0123.897.9990 - FAX: 0383.864.530</p> <p>SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN: TCCS 06/2009 KHỐI LƯỢNG TỊNH: 25 KG</p>	 N.P.K.S 8-10-3 	<p>CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN PHÚ SINH</p> <p>N.P.K.S 8 - 10 - 3</p>  <p>NGUYÊN LIỆU NHẬP NGOẠI IMPORTED MATERIAL</p> <p>THÀNH PHẦN CHÍNH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HÂM LƯỢNG ĐẠM (N - 8%) - HÂM LƯỢNG LẮN (P₂O₅ - 10%) - HÂM LƯỢNG KALY (K₂O - 3%) <p>NGUYÊN TỐ TRUNG VI LƯỢNG S, Ca, Mg, Fe, Cu, Mn</p> <p>HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BÓN CHO LÚA, NGŨ, KHOAI, ĐẬU, LẠC, CÂY ĂN QUẢ VÀ CÂY CÔNG NGHIỆP - BÓN LÓT: 20 - 25 Kg/sào - BÓN THỨC: 20 - 25 Kg/sào 	 PHÂN BÓN PHÚ SINH 
☆☆	☆☆	☆☆	NSX: HSD: 36 THÁNG BẢO QUẢN SẢN PHẨM NƠI KHÔ RÁO	☆☆

✚ Cơ cấu sản phẩm tiêu thụ của Công ty năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009 như sau:

Bảng 5: Cơ cấu sản phẩm tiêu thụ của Công ty

TT	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008		9 tháng đầu 2009
			Khối lượng	Khối lượng	% tăng (giảm) so với 2007	Khối lượng
1	Bao xi măng các loại					
	Bao KPK	bao	33.500.000	40.000.000	19,40	42.034.000
	Bao PK	bao	7.700.000	7.200.000	(6,49)	4.314.000
2	Bao phân bón	bao				
	Bao Phân bón URE	bao	1.000.000	134.000	(86,60)	297.000
	Bao Phân NPK	bao	4.800.000	3.400.000	(29,17)	2.759.000
3	Bao lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc					
	Bao đường	bao	1.200.000	1.100.000	(8,33)	99.700
	Bao thực phẩm khác	bao	500.000	120.000	(76,00)	451.000
	Bao thức ăn gia súc	bao	900.000	800.000	(11,11)	709.500
	Bao khác	bao		229.000		38.000
4	Manh thương phẩm	kg		113.000		162.000

TT	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008		9 tháng đầu 2009
			Khối lượng	Khối lượng	% tăng (giảm) so với 2007	Khối lượng
5	Dịch vụ thương mại					
	Hạt nhựa	tấn	160	201	25,63	408
	Giấy, Nguyên liệu khác	tấn	84	23	(72,62)	2

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

✚ Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của Công ty như sau:

Bảng 6: Doanh thu các sản phẩm và tỷ lệ % so với doanh thu

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008			9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng (giảm) so với năm 2007	Giá trị	Tỷ trọng
1	Bao xi măng							
	Bao KPK	108.500	68,9%	164.500	74,9%	51,6%	160.740	81,79%
	Bao PK	24.000	15,2%	27.500	12,5%	14,6%	15.562	7,92%
2	Bao Nông sản							
	Bao Phân bón URE	1.900	1,2%	500	0,2%	(73,7)%	1.083	0,55%
	Bao Phân NPK	10.000	6,4%	9.200	4,2%	(8)%	6.256	3,18%
3	Bao lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc							
	Bao đường	5.700	3,6%	6.500	3,0%	14,0%	610	0,31%
	Bao thực phẩm khác	700	0,4%	300	0,1%	(57,1)%	1.056	0,54%
	Bao thức ăn gia súc	2.400	1,5%	3.000	1,4%	(25,0)%	1.681	0,86%
	Bao khác			1.300	0,6%		102	0,05%
4	Manh thương phẩm			1.600	0,7%		1.389	0,71%
5	Dịch vụ thương mại							
	Hạt nhựa	3.500	2,2%	4.900	2,2%	40,0%	7.970	4,06%
	Giấy Kraft	700	0,4%	300	0,1%	(57,1)%	86	0,04%
	Tổng cộng	157.400	100%	219.600	100%		196.535	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

Phân tích cơ cấu doanh thu của Công ty cho thấy sản phẩm chính của Công ty là bao xi măng chiếm tỷ trọng khoảng 85% tổng doanh thu, các sản phẩm bao bì khác chiếm 13%, sản phẩm thương mại chiếm 2%.

6.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là, hạt nhựa PP, PE, giấy Kraft các loại. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất, Công ty luôn thực hiện lựa chọn cạnh tranh tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất. Nguồn nguyên liệu của Công ty được nhập từ các Công ty cung ứng trong và ngoài nước trong những năm qua tương đối ổn định.

✓ Nguồn nguyên vật liệu:

Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty

TT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp	Địa chỉ
I	Nhà cung cấp trong nước		
1	Hạt PP	1. Công ty Cổ phần Hóa chất Vật liệu điện Đà Nẵng	245 Phan Chu Trinh, TP Đà Nẵng
		2. Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung	261-263 Phan Chu Trinh, TP Đà Nẵng
		3. Cty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Thăng Long	12A Ngõ Bà triệu, Phố Bà triệu, TP Hà Nội
		4. Công ty TNHH Ngân Hạnh	Xóm 1, Mễ Trì Thượng, xã Mễ Trì, Từ Liêm, TP Hà Nội
		5. Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	Lô 7, Cụm công nghiệp Gián Khẩu, Gia Viễn, Ninh Bình
2	Phụ gia nhựa	1. Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh	87 Đinh Nhu, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng
		2. Công ty Cổ phần Trang Việt Tiến	10 Phạm Bá Trực, Hồng Bàng, TP Hải Phòng
3	Giấy kraft	1. Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	Phường Quán Triều, TP Thái Nguyên
		2. Công ty TNHH Thành Dũng	Long Xuyên, Kinh Môn, Hải Dương
		3. Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung	261-263 Phan Chu Trinh, TP Đà Nẵng
		4. Công ty TNHH Ngân hạnh	Xóm 1, Mễ Trì Thượng, xã Mễ Trì, Từ Liêm, TP Hà Nội
4	Chỉ may bao	1. Công ty TNHH Thuận Lợi	136 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, Hải Phòng
		2. Công ty TNHH Hà Đức	Cụm CN xã La phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội
5	Mực in	1. Công ty TNHH Tân Đông Dương	57 phố Trường Lâm, Đức Giang, Hà Nội
		2. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đức Quân	15 Phan Tây Hồ, P7, Q. Phú Nhuận, TP HCM
		3. Công ty TNHH Thương mại Sản	Lô E2, Cụm công nghiệp Đa

TT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp	Địa chỉ
		xuất Minh Phương	Nghề, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh
II Nhà cung ứng nước ngoài			
1	Hạt PP	1.Daelim corporation	10F KCCI B/D, 45-4 Ga, Namdaemunro, Jung-gu, 100-743 Korea
		2. Lotte international CO., LTD	6-8 Aurora world BLDG.,997-2 Daechi-dong, kangnam-ku, seoul, Korea
		3. Be max trading CO.,LTD	912, doryum B/D,# 60 doryum-dong, Jongro-gu, seoul, korea 110-051
2	Giấy kraft	1. Daewoo International Corporation	84-11(YonSei Severance Building) Namdaemunno 5-Ga, Jung-Gu, Seoul, KR
		2. PA Trading CO., LTD	Room 906, new-Seoul BLDG, 62-7, Chungmuro-2GA, Chung-Gu, Seoul, KR
<i>Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh</i>			

✓ Sự ổn định của các các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Trước tình hình kinh tế thế giới nhiều biến động nên dẫn đến nhiều biến động bất thường về giá nguyên vật liệu nhựa. Nhằm đảm bảo sự ổn định về nguồn nguyên liệu, VBC đã chọn các đối tác, các nhà cung cấp uy tín, các bên thống nhất và cam kết thực hiện theo kế hoạch dài hạn nên nguồn nguyên liệu đảm bảo khá ổn định về mặt chất lượng, thời gian cung cấp và giá cả hợp lý.

✓ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn cơ cấu giá thành sản phẩm. Trong năm 2007, năm 2008 giá nhựa không ngừng biến động tăng kéo theo chi phí sản xuất tăng. Trong khi đó, giá sản phẩm đầu ra không thể điều chỉnh tăng cùng mức tỷ lệ với tốc độ tăng giá nguyên vật liệu. Chính vì vậy, sự biến động của giá nguyên vật liệu gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Nhận định sự biến động giá nguyên vật liệu nhựa sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Công ty đang đẩy mạnh hoạt động liên kết với các nhà cung cấp, phối hợp với các khách hàng xác định rõ kế hoạch nhu cầu của từng mặt hàng, từ đó xây dựng chiến lược dài hạn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn của Công ty.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 8: Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

TT	Khoản mục	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị (đồng)	% /doanh thu	Giá trị (đồng)	% /doanh thu	Giá trị (đồng)	% /doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	142.911.886.690	91%	193.763.816.163	88%	163.187.061.253	83%
2	Chi phí tài chính	2.417.681.931	2%	8.746.111.560	4%	3.517.386.038	2%
3	Chi phí bán hàng	4.966.860.502	3%	7.237.813.800	3%	7.072.501.505	4%
4	Chi phí quản lý	2.570.559.496	2%	4.431.327.859	2%	5.873.303.190	3%
	Cộng	152.866.988.619	97%	214.179.069.382	97%	179.650.251.986	91%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh

Giá vốn hàng bán của Công ty chiếm tỷ trọng từ 88% – 91% so với doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán của Công ty qua các năm có xu hướng giảm dần so với doanh thu thuần. Điều này làm tăng lợi nhuận của Công ty. Các khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn được Công ty duy trì tương đối ổn định qua các năm ở mức từ 5% – 7% .

6.4. Trình độ công nghệ

VBC tuy mới chuyển sang Công ty Cổ phần được hơn 6 năm nhưng là một doanh nghiệp uy tín trên thị trường về các sản phẩm nhựa, bao bì. Thời gian chưa phải là dài so với nhiều doanh nghiệp khác nhưng với những gì đã đạt được trong những năm qua Công ty đã khẳng định được vị trí, thương hiệu của mình trên thương trường.

Bên cạnh đó Công ty thường xuyên nghiên cứu áp dụng đổi mới công nghệ sản xuất, đầu tư thiết bị tiên tiến hiện đại, có năng suất chất lượng cao.

Hiện nay, VBC đang sở hữu một số máy móc thiết bị chính sau đây:

Bảng 9: Các thiết bị chính của VBC

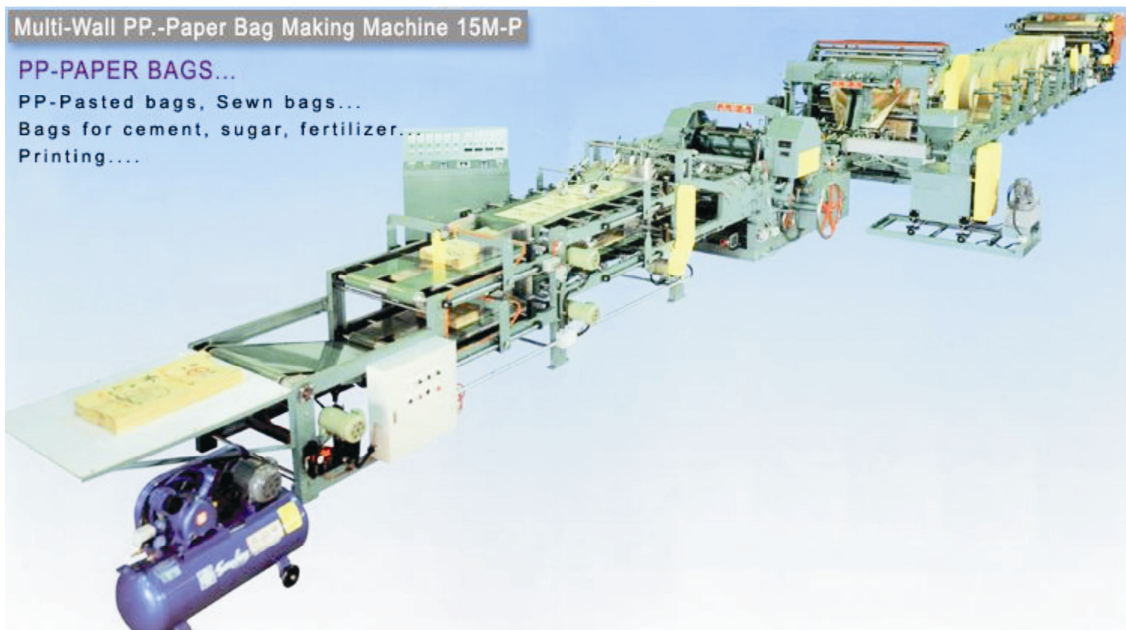
TT	Tên tài sản cố định	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Năm sử dụng
1	Phân Xưởng I: Kéo sợi				
1.1	Máy tạo sợi STALINGER	1	Đức	2001	2001
1.2	Máy tạo sợi Lohia	1	Ấn độ	2008	2008
1.3	Máy tạo sợi đài loan	2	Đài Loan	1997	1997
2	Phân xưởng II: Dệt manh				
2.1	Máy dệt 6 thoi STALINGER	8	Đức	2001	2001
2.2	Máy dệt ấn độ	12	Ấn độ	2008	2008
2.3	Máy dệt đài loan	12	Đài Loan	1997	1997
2.4	Máy dệt đài loan	6	Đài Loan	1999	1999
2.5	Máy dệt Sài gòn	22	Việt Nam	2004	2004
2.6	Máy dệt Sài gòn	16	Việt Nam	2004	2004
2.7	Máy dệt Sài gòn	4	Việt Nam	2005	2005
2.8	Máy dệt Sài gòn	2	Việt Nam	2007	2007

TT	Tên tài sản cố định	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Năm sử dụng
3	Phân xưởng III: Tráng màng, Tạo ống				
3.1	Máy tráng Phức hợp	3	Đài Loan	2009	2009
3.2	Máy tráng màng PP	1	Việt Nam	2004	2004
3.3	Máy dựng bao 15 MP	1	Đài Loan	2005	2005
3.4	Máy dựng bao 7 MP	1	Đài Loan	1999	1999
3.5	Máy in 5 màu	1	Đài Loan	2000	2000
3.6	Máy in 8 màu	1	Đài Loan	2009	2009
4	Phân xưởng IV: May bao				
4.1	Dàn máy khâu tự động	1	LD Nhật-VN	2005	2005
4.2	Dàn máy khâu tự động	1	LD Nhật-VN	2007	2007
4.3	Dàn máy khâu tự động	1	LD Nhật-VN	2008	2008
4.4	Dàn máy khâu tự động	1	LD Nhật-VN	2009	2009
4.5	Máy khâu Newlong	2	Nhật	2008	2008
4.6	Máy khâu Kan Sai	4	Nhật	1999	1999
4.7	Máy khâu bao	4	Nhật	1999	1999
5	Phân xưởng: Sản xuất Nguyên liệu phụ				
5.1	Máy trộn, sấy hạt	1	Việt Nam	2008	2008
5.2	Máy trộn, sấy hạt	1	Việt Nam	2004	2004
5.3	Máy tái chế	1	Việt Nam	2009	2009

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh



Máy dệt 6 thoi Staslinges của Đức, Ấn Độ, trong dây chuyền sản xuất nhựa bao bì



Máy tạo ống 15 MP

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, Công ty đang nghiên cứu mặt hàng bao container, bao tráng màng, bao túi sách, bao giấy để đưa vào sản xuất nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Với phương châm Chính sách chất lượng của Công ty là: “*Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo*”. Chất lượng và giá bán hợp lý là yếu tố tiên quyết để khách hàng đến với Công ty. Khách hàng là người bạn đồng hành cùng với sự phát triển bền vững của Công ty. Luôn đáp ứng mọi yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng phù hợp với yêu cầu của luật định, kể cả đáp ứng những yêu cầu thay đổi.

Trong quá trình sản xuất, với mục tiêu lấy chữ “*Tín*” làm đầu, coi trọng chất lượng và giá thành sản phẩm là yếu tố tiên quyết để phục vụ khách hàng. Vì vậy Công ty luôn chú trọng xây dựng hệ thống quản lý chặt chẽ và linh hoạt; hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

6.7. Hoạt động Marketing

- Hoạt động marketing là một trong những hoạt động được Công ty quan tâm với chiến lược:
 - Không ngừng củng cố và phát triển thị trường nội địa sâu, rộng, ổn định; đồng thời xúc tiến thương mại phát triển thị trường xuất khẩu.

- Phân loại khách hàng, đưa ra chính sách áp dụng bán hàng cụ thể, thực hiện các thủ tục giao dịch linh hoạt, thuận lợi nhất và có giá cả hợp lý nhất, thực hiện tốt dịch vụ sau bán hàng.
- Duy trì khách hàng hiện có, chủ động tìm kiếm, giới thiệu sản phẩm đến với khách hàng mới.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, tạo niềm tin đối với khách hàng bằng uy tín, thương hiệu và chăm lo đến lợi ích của khách hàng.
- Duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Các hoạt động marketing chủ yếu của Công ty:
 - Về sản phẩm: Các mặt hàng của Công ty sản xuất đa dạng về chủng loại, đảm bảo chất lượng, đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng.
 - Về hệ thống phân phối: Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên toàn quốc thông qua kênh phân phối bán hàng của Công ty tại Thành phố Vinh. Ngoài ra Công ty cũng đang thúc đẩy mạnh mẽ việc mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu. Sản phẩm của Công ty có mặt hầu khắp mọi miền của đất nước, từ đồng bằng Bắc bộ, vùng cao Tây Bắc, miền Trung cho đến miền Nam của tổ quốc.
 - Về giá bán: Công ty xây dựng chính sách giá bán sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh, giá thành ngày càng hợp lý.
 - Về quảng cáo: VBC thường xuyên tìm hiểu, nghiên cứu thị trường để kịp thời điều chỉnh, chuyển đổi chính sách bán hàng, củng cố đội ngũ marketing, hoạch định việc chuyển đổi chính sách về giá, dịch vụ (hậu mãi) để phù hợp với tình hình cạnh tranh mới. Bên cạnh đó còn có một số hoạt động PR khác như: đăng thông tin quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Không có.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Khách hàng	Tên sản phẩm	Trị giá (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hoàng Phát	Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	24/11/2008	Từ 24/11/09 đến 31/12/09
2	Công ty xi măng Nghi Sơn	Vỏ bao xi măng KPK	23.147.272.727	20/02/2009	Từ 01/01/09 đến 31/12/09
		Vỏ bao xi măng PK	5.818.181.818		

TT	Khách hàng	Tên sản phẩm	Trị giá (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
3	Công ty xi măng Hoàng Mai	Vỏ bao xi măng KPK	23.595.000.000	20/01/2009	Từ 01/01/09 đến 31/12/09
4	Công ty xi măng Cosevco Sông Danh	Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	28/02/2009	Từ 28/02/09 đến 31/12/09
5	Công ty TNHH xi măng Luks (Việt Nam)	Vỏ bao xi măng KPK Loại KPK PCB30 Loại KPK PCB40 Loại PK PCB30	Theo hóa đơn thực tế	15/01/2009	Từ 15/01/2009 đến 31/12/09
6	Công ty Điện tử -Tin học - Viễn thông Nghệ An	Vỏ bao xi măng KPK	18.181.818.182	02/01/2009	Từ 02/01/2009 đến 31/12/09
7	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Sao Mai Xanh	Vỏ bao xi măng KPK Vỏ bao xi măng PK	Theo hóa đơn thực tế	01/01/2009	Từ 01/01/2009 đến 31/12/09
8	Công ty xi măng Chín fon	Vỏ bao xi măng KPK Vỏ bao xi măng PK	Theo hóa đơn thực tế	01/01/2008	Gia hạn hàng năm
9	Công ty Cổ phần xi măng Phú Yên	Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	10/02/2009	Từ 10/02/09 đến 31/12/09
10	Công ty TNHH một thành viên xi măng Thanh Sơn	Vỏ bao xi măng KPK	441.816.000	12/02/2009	Từ 12/02/09 đến 31/12/09
11	Công ty Cổ phần Phương Hải	Vỏ bao xi măng KP Vỏ bao xi măng PKK	Theo hóa đơn thực tế	01/01/2009	Từ 01/01/2009 đến 31/12/09
12	Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên	Vỏ bao xi măng KPK	4.407.272.727	06/01/2009	Từ 06/01/2009 đến 15/01/10
13	Chi nhánh Cty TNHH tập đoàn Nam Cường	Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	01/03/2009	Từ 01/03/2009 đến 31/12/09
14	Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	12/01/2009	Từ 12/01/09 đến 31/12/09
15	Công ty Cổ phần xi măng Hòn Khói	Vỏ bao xi măng KP Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	06/01/2009	Từ 06/01/2009 đến 31/12/09
16	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Bửu Long	Vỏ bao xi măng KPK	Theo hóa đơn thực tế	28/02/2009	Từ 28/02/2009 đến 31/12/09
17	Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Bao PP in nhãn NPK			Từ 31/03/2009 đến 31/12/09
		Loại 50kg không trắng	113.500.000		
		Loại 50kg có trắng	3.021.000.000		
		Loại 25kg có trắng	951.800.000		
18	Công ty Cổ phần Vật tư	Bao NPK	1.022.727.273	02/03/2009	Từ 02/03/2009

TT	Khách hàng	Tên sản phẩm	Trị giá (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
	Nông nghiệp Nghệ An				đến 31/12/09
19	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Bao U rê	627.272.727	14/05/2009	Từ 14/05/2009
20	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Quyết Thành	Bao PP các loại	Theo hóa đơn thực tế	10/01/2009	Từ 10/01/2009 đến 31/12/09

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đvt: đồng


TT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm (08/07)	9 tháng đầu năm 2009
1	Tổng giá trị tài sản	66.155.212.557	78.021.343.006	17,94%	88.955.610.186
2	Doanh thu thuần	157.397.206.301	219.683.219.662	39,57%	196.535.469.702
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.771.442.926	5.554.836.178	16,42%	16.903.803.440
4	Lợi nhuận khác	121.109.056	32.645.173	(73,04%)	(50.736.181)
5	Lợi nhuận trước thuế	4.892.551.982	5.587.481.351	14,20%	16.853.067.259
6	Lợi nhuận sau thuế	4.179.048.598	3.940.475.879	(5,71%)	12.630.630.025
7	Lợi nhuận trả cổ tức	2.250.000.000	2.847.546.000	26,56%	-
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	53,84%	72,26%	34,22%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh


Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2009 của VBC đạt được 12,630 tỷ đồng tăng 221% so với cả năm 2008 và tăng 190% so với kế hoạch đề ra năm 2009 là 4,350 tỷ đồng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2009; Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tính đến Quý III/2009 đạt 37,26%. Để đạt được kết quả khả quan trên, Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đã tận dụng triệt để chính sách kích cầu của Chính phủ, nhất là nguồn vốn đảm bảo cho SXKD. Từ đó doanh nghiệp đã có chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, do vậy giá nguyên vật liệu đầu vào đưa vào hạch toán thấp hơn giá thị trường ~ 1.000đ/kg. Đây là nguyên nhân chủ yếu tạo ra sự tăng trưởng chỉ tiêu lợi nhuận. Bên cạnh đó là việc hỗ trợ lãi suất 4% làm giảm chi phí lãi vay ~2,5 tỷ đồng. Tham gia vào Hiệp hội sản xuất bao bì, nắm bắt cơ hội thị trường, xây dựng giá bán đầu ra hợp lý. Phát huy công tác đầu tư, trong năm đã đầu tư

thêm 4 máy dệt Ấn Độ và 1 máy tráng ép Đài Loan, 2 dàn máy khâu 2 đầu do vậy chủ động trong công tác sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị giảm chi phí cố định trên đơn vị sản phẩm bán ra. Nhạy bén trong công tác quản lý điều hành, áp dụng linh hoạt các biện pháp công nghệ.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

 Các nhân tố thuận lợi:

- Sản phẩm của VBC được nhiều khách hàng khó tính chấp nhận, tạo được uy tín tốt trên thương trường.
- VBC đã có sẵn một hệ thống khách hàng đã quan hệ gắn bó nhiều năm.
- VBC có lực lượng cán bộ kỹ thuật dày dặn kinh nghiệm và đội ngũ công nhân lành nghề, tâm huyết, có năng lực và nhạy bén.

 Các nhân tố khó khăn:

- Giá nguyên vật liệu là nhựa PP, giấy kraft cũng như một số vật tư khác sử dụng trong sản xuất bao bì trên thị trường luôn đi theo xu hướng tăng trong thời gian qua, khó dự báo; ngược lại, do cạnh tranh gay gắt, giá sản phẩm tại thị trường trong nước tăng ít, và tăng với tốc độ chậm hơn nguyên vật liệu.
- Nguyên vật liệu sản xuất được nhập từ nước ngoài, điều này đã dẫn đến một số khó khăn trong sản xuất cũng như lượng vốn lưu động cần thiết để thanh toán các đơn hàng. Ngoài ra, điều này cũng có ảnh hưởng nhất định đến sự chủ động của VBC trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Do đang trong giai đoạn mở rộng và phát triển, việc đầu tư máy móc thiết bị để sản xuất còn hạn chế, việc sản xuất mang tính mùa vụ cao, VBC đang hạn chế việc đáp ứng sự thay đổi thường xuyên về mẫu mã của khách hàng.

8. Chiến lược phát triển của Công ty

 **Chiến lược về sản phẩm:**

- Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về lĩnh vực sản xuất, cung cấp vỏ bao cho ngành xi măng, nông sản, phân bón và ngành nghề khác trên phạm vi toàn quốc.

 **Chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh:**

- Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống mà Công ty có lợi thế.
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 số 01/2009/NQ-DHĐCĐ ngày 31/3/2009, Hội đồng cổ đông đã nhất trí thông phương án đầu tư tăng năng lực sản xuất mua sắm máy móc thiết bị; Đầu tư hoàn thiện một dây chuyền sản xuất vỏ bao

xi măng 25 -:- 30 triệu vỏ bao/năm và vỏ bao container. Nhà máy mới có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Gia Lách - Huyện Nghi Xuân - Tỉnh Hà Tĩnh.

- Đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực in ấn, sản xuất bao bì.
- Xuất khẩu bao bì.

✚ Chiến lược về tài chính:

- Duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh và phù hợp để giảm rủi ro tài chính cho Công ty cũng như đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Dựa vào tình hình tài chính của Công ty, tình hình thị trường để tiếp cận, huy động vốn vay từ ngân hàng thương mại, tham gia thị trường chứng khoán và phát hành tăng vốn.
- Công tác kế toán đảm bảo kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo tiến độ thu hồi công nợ tốt. Trích nộp ngân sách và thanh toán cổ tức đầy đủ và kịp thời.

✚ Chiến lược về nhân lực:

- Kịp thời tuyển dụng nhân lực tinh gọn, hiệu quả.
- Tăng cường đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực.
- Thu hút thêm nhân lực có năng lực từ bên ngoài vào làm việc tại các vị trí chủ chốt.
- Có chính sách động viên khuyến khích lực lượng lao động có năng lực, tâm huyết với Công ty.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

- Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh cho nên khả năng tận dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng .
- Đã có trên 10 năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, VBC đã có vị thế trên thương trường, Công ty đã xây dựng được cho mình một thương hiệu và uy tín về chất lượng là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.
- Ban lãnh đạo VBC có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm, có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản xuất kinh doanh nhiều năm trong ngành; tập thể lãnh đạo, người lao động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát triển Công ty.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Sản phẩm ngành nhựa, bao bì được ứng dụng rộng rãi trên các lĩnh vực công nghiệp

công nghiệp, thực phẩm, hóa chất. So với các ngành công nghiệp khác, ngành nhựa được xem là một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh. Trong những năm gần đây, ngành nhựa Việt Nam có những bước phát triển nhảy vọt đáng kể. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới.

- Xét về nhu cầu và khả năng đáp ứng của ngành nhựa Việt Nam, hiện nay các sản phẩm nội địa mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu về sản phẩm nhựa chất lượng cao nên khá nhiều công ty phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài. Chính vì vậy, chiến lược đầu tư cho ngành nhựa luôn được Chính phủ quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Theo chiến lược phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2010 đã được Chính phủ thông qua từ năm 1995, Hiệp hội Nhựa đã phối hợp với các ngành chức năng hướng dẫn các công ty trong nước và nước ngoài đầu tư theo thứ tự ưu tiên được khuyến khích theo quy hoạch chung đối với các sản phẩm: Nguyên liệu nhựa (PVC resin, PVC compound, PS, PE); Giày nhựa xuất khẩu (EVA, PU); Cao su chế biến; Nhựa dân dụng; Nhựa Công nghiệp, kỹ thuật cao; Vật liệu xây dựng; Bao bì nhựa; Khuôn mẫu nhựa.

10. Chính sách đối với người lao động

- ✚ Số lượng người lao động trong công ty tại thời điểm 30/9/2009 là: 367 người

Bảng 12: Cơ cấu lao động

TT	Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Theo Hợp đồng lao động	367	100%
	- Hợp đồng không xác định thời hạn	198	54%
	- Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	119	32%
	- Hợp đồng khác	50	14%
2	Theo trình độ lao động	367	100%
	- Trình độ trên Đại học	0	0%
	- Trình độ Đại học	28	6%
	- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	318	88%
- Trình độ khác (lao động phổ thông)	21	6%	
3	Theo giới tính	367	100%
	- Nam	142	39%
- Nữ	225	61%	
Tổng		367	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

- ✚ Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:
 - **Tuyển dụng:**
 - Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt, may... số lao động đó Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc.
 - Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.
 - **Đào tạo:**
 - Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất kỳ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.
 - **Lương thưởng:**
 - Lao động gián tiếp Công ty trả lương khoán theo vị trí công việc được giao theo tháng.
 - Lao động trực tiếp Công ty trả lương theo đơn giá, định mức sản phẩm.
 - Nếu người lao động làm việc thêm giờ ngày bình thường được thanh toán thêm 50%, làm ca đêm thanh toán thêm 35% tiền lương, nếu làm việc vào ngày lễ được thanh toán 300% tiền lương. Làm việc đủ 8 giờ/ngày được hưởng chế độ ăn cơm ca với mức 8.000 đồng/người/ca; Ngoài ra, các ngày lễ, tết Công ty đều có quà cho người lao động. Chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, cuối năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo việc xếp loại lao động theo A,B, C.
 - Các chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản trợ cấp được Công ty thanh toán đúng đủ vào các ngày từ 15-20 hàng tháng.
 - **Trợ cấp:** Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

11. Chính sách cổ tức

- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Tỷ lệ cổ tức năm 2007, 2008 là 15%/vốn điều lệ.
- Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 15 đến 20%/năm.

Bảng 13: Số tiền trả cổ tức cho cổ đông từ năm 2007 – 2008

Đvt: đồng

Năm	Tổng tiền chia cổ tức	Tỷ lệ trả	Hình thức trả
2007	2.250.000.000	15% vốn điều lệ	Tiền mặt
2008	2.847.546.000	15% vốn điều lệ	Tiền mặt

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

12. Tình hình hoạt động tài chính**12.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Trích khấu hao TSCĐ: Từ năm 2003 trở về trước, Công ty áp dụng trích khấu hao theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính. Kể từ năm 2004, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Mức trích khấu hao năm 2008 được Cục thuế Nghệ An xác nhận tại văn bản số 299/TT ngày 20/11/2009 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh gửi Cục thuế Nghệ An.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4

Mức lương bình quân: Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 1.723.000 đồng/người, năm 2007 là 2.105.000 đồng/người, năm

2008 là 2.874.794 đồng/người. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn thành phố Vinh.

✚ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

✚ **Các khoản phải nộp theo luật định:** Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 14: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đvt: đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2007	31/12/2008	30/9/2009
Số còn phải nộp cuối kỳ	125.319.526	1.522.048.781	2.062.805.762
<i>Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh</i>			

✚ **Trích lập các quỹ theo luật định:** Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cụ thể như sau:

- Năm 2008: tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính 10% lợi nhuận sau thuế; Quỹ đầu tư phát triển 10%; Quỹ khen thưởng phúc lợi 7%.
- Năm 2007: tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính 9% lợi nhuận sau thuế; Quỹ đầu tư phát triển 30%; Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%.

Bảng 15: Số dư các quỹ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/9/2009
1	Quỹ dự phòng tài chính	946.833.896	1.302.561.896	1.696.609.484
2	Quỹ đầu tư phát triển	3.985.951.549	1.164.760.319	1.519.403.148
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	104.558.893	33.858.142	246.409.362
	Cộng	5.037.344.338	2.501.180.357	3.462.421.994
<i>Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh</i>				

✚ **Tổng dư nợ vay:**

Bảng 16: Tình hình dư nợ vay ngắn hạn và vay dài hạn của Công ty

TT	ĐƠN VỊ CHO VAY	31/12/2007		31/12/2008		30/9/2009	
		Dư nợ	Nợ quá hạn	Dư nợ	Nợ quá hạn	Dư nợ	Nợ quá hạn
I	Vay và nợ ngắn hạn	29.432.612.248	-	38.188.248.977	-	19.210.429.158	-
1	Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Vinh	29.432.612.248	-	20.318.259.977	-	6.554.482.496	-

TT	ĐƠN VỊ CHO VAY	31/12/2007		31/12/2008		30/9/2009	
		Dư nợ	Nợ quá hạn	Dư nợ	Nợ quá hạn	Dư nợ	Nợ quá hạn
2	Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn	-	-	3.000.000.000	-	-	-
3	Cá nhân	-	-	13.647.645.000	-	6.439.245.000	-
4	Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Vinh	-	-	1.222.344.000	-	-	-
5	Ngân hàng Quân đội	-	-	-	-	6.216.701.662	-
II	Vay và nợ dài hạn	-	-	3.904.710.000	-	3.680.822.459	-
1	Ngân hàng Ngoại Thương – Chi nhánh Vinh	-	-	3.904.710.000	-	3.680.822.459	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 17: Các khoản phải thu

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2008	30/9/2009
1	Phải thu của khách hàng	35.389.153.785	47.202.984.327
2	Trả trước cho người bán	86.975.000	1.229.318.464
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn		
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
5	Các khoản phải thu khác	7.569.568	7.101.131
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(232.078.804)	(232.078.804)
	Tổng cộng	35.251.619.549	48.207.325.118

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh

Bảng 18: Các khoản phải trả

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2008	30/9/2009
I	Nợ ngắn hạn	50.898.109.336	48.775.590.004
1	Vay và nợ ngắn hạn	38.188.248.977	19.210.429.158
2	Phải trả cho người bán	8.263.504.000	19.651.757.769
3	Người mua trả tiền trước	190.340.703	107.854.662
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.522.048.781	2.062.805.762
5	Phải trả người lao động	1.193.257.919	3.122.380.323
6	Chi phí phải trả	452.441.818	1.536.285.795
7	Phải trả nội bộ		
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2008	30/9/2009
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.088.267.138	3.084.076.533
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn		
II	Nợ dài hạn	4.045.901.656	6.034.114.163
1	Phải trả dài hạn người bán		
2	Phải trả dài hạn nội bộ		
3	Phải trả dài hạn khác		
4	Vay và nợ dài hạn	3.904.710.000	3.680.822.459
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.353.291.704
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	141.191.656	
7	Dự phòng phải trả dài hạn		
	Tổng cộng	54.944.010.992	54.809.704.167

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	lần	1,12	1,10
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,57	0,74
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,39%	70,42%
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	173,93%	238,44%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	7,69	9,47
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	2,38	2,82
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,66%	1,79%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,33%	17,10%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,32%	5,05%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,03%	2,53%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty CP Nhựa - Bao bì Vinh

- Hệ số thanh toán nhanh: Do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, thị trường cạnh tranh gay gắt, cung sản phẩm lớn hơn cầu rất nhiều nên để chiếm lĩnh thị phần Công ty đã sử dụng chính sách dư nợ khách hàng, và để hạn chế tác động rủi ro về giá nguyên vật liệu biến động liên tục và tỷ giá nhập khẩu nên Công ty có chính sách mua nguyên vật liệu

dự trữ lớn nhằm đảm bảo giá thành sản xuất hợp lý. Chính các yếu tố này đã tạo ra dư nợ ngân hàng cao dẫn đến hệ số thanh toán nhanh không cao.

- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: Do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, sản xuất theo đơn đặt hàng, khách hàng thường gởi nợ, trong khi đó doanh nghiệp cần mua nguyên liệu dự trữ nhằm hạn chế rủi ro về giá và tỷ giá chính vì vậy doanh nghiệp có sử dụng đòn bẩy tài chính vay thêm vốn ngân hàng để đảm bảo sản xuất nên dẫn đến Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tương đối cao.

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Phạm Thị Nguyệt	Thành viên HĐQT
4	Ông Cao Xuân Vinh	Thành viên HĐQT
5	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên HĐQT
Ban Giám đốc		
1	Ông Nguyễn Xuân Hải	Giám đốc
2	Ông Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát		
1	Ông Nguyễn Huy Tân	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
3	Ông Hoàng Xuân Hùng	Thành viên

13.1. Hội đồng quản trị

 Họ và tên : Ông Phan Trí Nghĩa - Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 18/6/1974

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Số CMND : 12009305 Cấp ngày: 16/01/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Đức Dũng, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Số 4, Đường Ngô Gia Tự, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Tháng 9/1998 - Trợ lý Phòng Tổ chức lao động Công ty Hợp tác kinh tế.

- ✓ Tháng 01/2002 - Trưởng ban Tổ chức định mức tiền lương - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 01/2004 - Phó phòng Tổ chức Lao động - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 01/2008 - Phó phòng Tổ chức Lao động - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 7/2008 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su (Lào) - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su (Lào).

Số lượng cổ phần nắm giữ : 382.500 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 2.500 cổ phần

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 380.000 cổ phần

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty : Không

 **Họ và tên : Ông Nguyễn Xuân Hải - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 03/6/1969

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Số CMND : 183119074 Cấp ngày: 17/5/1996 Nơi cấp: CA Hà Tĩnh

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thạch Đổng, TP Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Khối 13, Phường Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Tháng 01/2002 - Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 01/2004 - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh - Ủy viên Hội đồng Quản trị công ty.
- ✓ Tháng 6/2004 - Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh - PCT Hội đồng Quản trị công ty.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Giám đốc - PCT HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 434.100 cổ phần

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân : 54.100 cổ phần
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 380.000 cổ phần

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty : Không

👤 Họ và tên : Bà Phạm Thị Nguyệt - Thành viên HĐQT

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 07/7/1961

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 180088015 Cấp ngày: 24/11/1994 Nơi cấp: CA Nghệ An

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 4, Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

- ✓ Năm 1985- 1993 - Quản đốc PX Nhà máy sợi Vinh.
- ✓ Năm 1994- 2003 - Làm việc tại Công ty Hanoisimex Hà Nội.
- ✓ Năm 2004 - Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

- ✓ Tháng 01/2008 - Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh
- Ủy viên HĐQT Công ty.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng phòng Kế hoạch, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
Số lượng cổ phần nắm giữ : 13.900 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 13.900 cổ phần
+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : Không

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty : Không

🚩 **Họ và tên : Ông Cao Xuân Vinh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 17/6/1969

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 14A951041355 Cấp ngày: 01/7/2002 Nơi cấp: QK4

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Lĩnh Sơn, Anh Sơn, Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Xã Hưng Lộc, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- ✓ Tháng 9/2002 - Phó Chủ tịch công đoàn cơ sở Công ty Hợp tác kinh tế.
- ✓ Tháng 6/2005 - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 1/2008 - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh, Ủy viên HĐQT công ty.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
Số lượng cổ phần nắm giữ : 207.578 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : Không
+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 207.578 cổ phần
Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Lợi ích liên quan với công ty : Không

 **Họ và tên : Bà Trần Thị Hồng Thái - Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 20/9/1976

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 182112152 Cấp ngày: 09/4/2009 Nơi cấp: CA Nghệ An

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Sơn Trung, Hương Sơn, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Số 8, Ngõ 5 Đường Lê Văn Tám, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Tháng 01/1999 - Kế toán Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 02/2006 - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 01/2008 - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh - Ủy viên HĐQT công ty.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 9.800 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 9.800 cổ phần

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước	: Không
Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan với công ty	: Không

13.2. Ban giám đốc

 Họ và tên	: Ông Nguyễn Xuân Hải - Giám đốc
 Họ và tên	: Ông Cao Xuân Vinh - Phó Giám đốc

Chi tiết mục 13.1

13.3. Ban kiểm soát

 **Họ và tên** : Ông Nguyễn Huy Tân - Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/7/1967

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Số CMND : KD000453 Cấp ngày: 10/8/2005 Nơi cấp: QK4

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thạch Bình, TP Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Khối 9, Phường Bắc Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Năm 1991 - Kế toán các xí nghiệp: Vận tải, Lâm nghiệp, Xây lắp 3 thuộc Công ty Hợp tác kinh tế
- ✓ Năm 2002 - Kế toán trưởng Công ty Xây lắp đầu tư 100% vốn tại Lào thuộc Công ty Hợp tác kinh tế
- ✓ Năm 2005 - Trợ lý Phòng Tài chính Công ty Hợp tác kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Trợ lý Phòng Tài chính Công ty Hợp tác kinh tế - Trưởng Ban kiểm soát.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 600 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 600 cổ phần

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : Không

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty : Không

👤 Họ và tên : Ông Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 10/12/1968

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 181443184 Cấp ngày: 19/10/2005 Nơi cấp: CA Nghệ An

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thái Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 13, P. Hà Huy Tập, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Tháng 09/1998 - Kế toán Xí nghiệp Lâm nghiệp thuộc Công ty Hợp tác kinh tế.
- ✓ Tháng 04/2001 - Thống kê phân xưởng, Phó QĐ - Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 03/2007 - Quản đốc phân xưởng Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Quản đốc phân xưởng Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh - Ủy viên Ban kiểm soát.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.000 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 4.000 cổ phần

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : Không

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty : Không

👤 Họ và tên : Ông Hoàng Xuân Hùng - Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 13/11/1962

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Số CMND : 14A821041340 Cấp ngày: 01/7/2002 Nơi cấp: QK4

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thạch Thượng, Thạch Hà, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Khối 12, Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật

Quá trình công tác:

- ✓ Tháng 12/1983 - Làm việc tại Xưởng 46 Cục Kỹ thuật.
- ✓ Tháng 10/1985 - Làm việc tại Công ty Hợp tác kinh tế QK4.
- ✓ Tháng 10/1986 - Làm việc tại Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.
- ✓ Tháng 07/2001 - Quản đốc Phân xưởng Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Quản đốc Phân xưởng Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh - Ủy viên Ban kiểm soát.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 10.800 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 10.800 cổ phần

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : Không

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty : Không

13.4. Kế toán trưởng

✚ Họ và tên : Bà Trần Thị Hồng Thái - Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng

Chi tiết tại mục 13.1

14. Tài sản

✚ Tình hình đất đai

Bảng 20: Tình hình đất đai

STT	Địa chỉ	Diện tích	Hình thức sử dụng	Thời gian sử dụng
1	2	3	4	5
	Số 18 Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	11.794,5 m ²	Thuê trả tiền hàng năm - thời hạn 50 năm	Thời hạn đến hết năm 2042

✚ Tình hình nhà cửa, máy móc, thiết bị

Bảng 21: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2008

Đvt: đồng

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	38.367.556.301	16.902.176.472	21.465.379.829
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.724.291.099	1.793.457.769	2.930.833.330
2	Máy móc, thiết bị	32.406.670.095	14.522.131.581	17.884.538.514
3	Phương tiện vận tải	943.584.255	442.303.771	501.280.483
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	293.010.853	144.283.351	148.727.502
II	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
Tổng cộng		38.367.556.301	16.902.176.472	21.465.379.829

Nguồn: BCTC năm 2008 của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh

Bảng 22: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/9/2009

Đvt: đồng

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	43.576.490.208	22.157.673.930	21.418.816.278
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.724.291.099	2.136.794.662	2.587.496.437
2	Máy móc, thiết bị	37.599.699.240	19.291.811.975	18.307.887.265
3	Phương tiện vận tải	943.584.254	535.004.213	408.580.041

Đvt: đồng

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	308.915.615	194.062.981	114.852.634
II	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
Tổng cộng		43.576.490.208	22.157.673.928	21.418.816.280

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty 2009 - 2011

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	% tăng giảm so với 2008	Giá trị	% tăng giảm so với 2009	Giá trị	% tăng giảm so với 2010
Vốn điều lệ	18.983,64	0%	30.000	58%	30.000	0%
Vốn chủ sở hữu	29.109	26%	43.426	49%	49.426	14%
Doanh thu thuần	200.000	-9%	270.000	35%	300.000	11%
Lợi nhuận sau thuế	4.350	10%	9.000	107%	12.000	33%
Ti lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,2%	22%	3,3%	53%	4,0%	20%
Ti lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,9%	-13%	21%	41%	24%	14%
Cổ tức (%) vốn điều lệ	15	0%	17	13%	20	18%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh

Tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2009, Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ với phương thức phát hành 1.101.636 cổ phần (tương ứng 11.016.360.000 đồng) để tăng vốn điều lệ từ 1.898.364 cổ phần lên 3.000.000 cổ phần (Tương ứng 18.983.640.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng) nhằm nâng cao năng suất, mở rộng sản xuất kinh doanh Đầu tư mở rộng sản xuất cơ sở 1: Đầu tư 01 máy tái chế do Việt Nam sản xuất; 01 máy in PP8 màu do Trung Quốc sản xuất; 01 Hệ thống camera giám sát do Đài Loan sản xuất; 01 dàn máy khâu 2 đầu do Việt Nam (Hoặc Nhật Bản) sản xuất; 01 xe tải 10 – 12 tấn do Hàn Quốc

sản xuất; 02 giàn máy sợi do đài loan (Hoặc Việt Nam) sản xuất và Đầu tư mở rộng sản xuất cơ sở 2: Đầu tư hoàn thiện một dây chuyền sản xuất vỏ bao xi măng 25 -:- 30 triệu vỏ bao/năm và vỏ bao container.

✦ Căn cứ để đặt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009-2011:

Trong những năm qua với năng lực cạnh tranh mạnh mẽ, tăng trưởng liên tục, căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết và dựa trên vị thế, thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đang hoạt động, khả năng phát triển của ngành.

Căn cứ vào kế hoạch doanh thu, chi phí trong quá khứ và ước đoán kỳ vọng trong tương lai.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2009 thì lợi nhuận năm 2009 của Công ty là hoàn toàn vượt mức so với kế hoạch đề ra.

Khai thác triệt để thị trường đã có, đầu tư mở rộng sản xuất, và nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới như bao container, bao tráng màng, bao xuất khẩu...

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh, Chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty dự kiến trong giai đoạn 2009-2011 là có thể đạt được nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước được và những yếu tố bất khả kháng.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên đây của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết là 1.898.364 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

✓ Hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

a. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập: đã hết hiệu lực

b. Đối với cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng: phải nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo. (Theo mục d) khoản 1 Điều 9 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán).

Bảng 24: Bảng số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
1	Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	2.500	2.500	1.250
2	Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc	54.100	54.100	27.050
3	Phạm Thị Nguyệt	Thành viên HĐQT	13.900	13.900	6.950
4	Trần Thị Hồng Thái	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	9.800	9.800	4.900
5	Nguyễn Huy Tân	Trưởng Ban kiểm soát	600	600	300
6	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên BKS	4.000	4.000	2000
7	Hoàng Xuân Hùng	Thành viên BKS	10.800	10.800	5.400
	Tổng		95.700	95.700	47.850

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

5. Phương pháp tính giá

✚ Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 được tính như sau:

Nguồn vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách cổ phiếu = -----

Tổng số cổ phần lưu hành

23.043.473.872

= -----

1.898.364

= 12.138 đồng

Giá trị sổ sách cổ phiếu làm tròn là: 12.139 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

✚ Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/9/2009 được tính như sau:

Nguồn vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách cổ phiếu = -----

Tổng số cổ phần lưu hành

33.899.496.657

= -----

1.898.364

= 17.857 đồng

Giá trị sổ sách cổ phiếu làm tròn là: 17.857 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân nước ngoài được đăng ký và nắm giữ cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Theo Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18/06/2009 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam quy định mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam tối đa bằng 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam. Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

- Từ năm 2008 trở về trước, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 28% theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Kể từ ngày 01/01/2009, mức thuế suất áp dụng là 25% theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội ban hành ngày 03/6/2008.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 56 – 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3914.4134

Fax: (84.8) 3914.4371

Website: www.dag.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3944.5175

Fax: (84.4) 3944.5178

Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ: Số 110C Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 3853.9623

Fax: (84.8) 3853.9624

2. Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3827.2295

Fax: (84.8) 3827.2300

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và BCTC 9 tháng đầu năm 2009

Vinh, ngày 28 tháng 10 năm 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHAN TRÍ NGHĨA

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN HẢI

CAO XUÂN VINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN THỊ HỒNG THÁI

NGUYỄN HUY TÂN